

Phần	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng là: Biểu cảm 0.5
	2	Những hình ảnh quê hương gắn liền với tuổi thơ của nhân vật trữ tình trong hai khổ thơ đầu của đoạn trích là: <i>chiều sen xanh mướt; hạt gạo; mận mòi châu thổ; pháp phối cánh cò; rom; đồng.</i> Lưu ý: - HS trả lời được 05 - 06 ý cho 0,75 điểm. - HS trả lời được 03 - 04 ý cho 0,5 điểm. - HS trả lời được 01 - 02 ý hoặc trích dẫn nguyên văn các dòng thơ cho 0,25 điểm 0.75
	3	- Những dòng thơ đã khắc họa hình ảnh của quê hương trong kí ức của nhân vật trữ tình như: <i>mái đình; triền sông; câu hò; đường làng thơm; rừng tre già măng non</i> - Những dòng thơ giúp ta hiểu về tâm trạng của nhân vật trữ tình: + Nỗi nhớ da diết; niềm tự hào về vẻ đẹp của quê hương. (0.5 điểm) + Tình yêu quê hương sâu sắc, chân thành. (0.25 điểm) 0.25 0.75
	4	- Nội dung hai dòng thơ: Những con người Việt Nam cho dù có đi muôn nơi trên thế giới thì vẫn mang trong mình dòng máu Lạc Hồng - Ý nghĩa: + Giúp mỗi chúng ta nhận thức sâu sắc hơn về cội nguồn của chính mình. Đều mang trong mình dòng máu Việt, dòng máu Lạc Hồng. (0.25 điểm) + Đánh thức trong chúng ta tình yêu, niềm tự hào, tinh thần trách nhiệm đối với cội nguồn dân tộc. (0.25 điểm) 0,25 0,5
II	LÀM VĂN	7.0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về ý nghĩa của việc hướng về cội nguồn trong cuộc sống hôm nay. 2.0
	<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận. Ý nghĩa của việc hướng về cội nguồn trong cuộc sống hôm nay.</i>	0.25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa của việc hướng về cội nguồn. Có thể triển khai theo hướng: - Hướng về cội nguồn có ý nghĩa sâu sắc cho mỗi cá nhân con người trong cuộc sống hôm nay: khơi gợi lòng biết ơn, nuôi dưỡng tâm hồn mỗi chúng ta; làm nên nét đẹp riêng, giá trị riêng cho mỗi cá nhân; tạo nên sức mạnh tinh thần giúp ta đứng vững trước khó khăn, thử thách; xoa dịu mọi mất mát đau thương; thấp lên niềm lạc quan, hi vọng vào tương lai. - Hướng về cội nguồn còn tạo nên sức mạnh cho đất nước, con người Việt Nam đứng vững trước những biến động của thế giới; giữ vững nền độc lập, chủ quyền, phát triển và hội nhập với thế giới. 1.0	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</i>	0.25
<i>e. Sáng tạo. Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</i>	0.25	

2	Cảm nhận hình tượng Sông Đà qua đoạn văn. Từ đó nhận xét sự tài hoa trong cách sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Tuân.	5,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Hình tượng Sông Đà qua đoạn văn; nhận xét về sự tài hoa trong cách sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Tuân.	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: */ Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Tuân, tùy bút “Người lái đò Sông Đà” và đoạn văn */ Phân tích hình tượng Sông Đà trong đoạn văn - Hình tượng Sông Đà hùng vĩ, hung bạo: + Vách đá bờ sông dựng vách thành tạo nên những quãng sông âm u (<i>chỉ đúng ngo mới thấy mặt trời</i>); đá chẹt lòng sông tạo nên quãng sông nhỏ, hẹp (<i>như một cái yết hầu, có quãng nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách; con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia</i>); lạnh lẽo (<i>Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh...</i>) + Ghềnh nước dài (<i>hàng cây số</i>), nước, đá, sóng, gió xô nhau tạo nên những luồng nước gùn ghè như kẻ đòi nợ vô cớ, công cuồng (<i>đòi nợ xuýt...</i>) + Hút nước to lớn (<i>cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu</i>); với cường lực ghê gớm (<i>nước thở và kêu như cửa cống cái bị sặc, nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào</i>); nhân chìm tất cả những gì bị cuốn vào đó (<i>Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trôi ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mươi phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới...</i>) - Hình tượng Sông Đà được khắc hoạ bằng từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh; những câu văn dài; nghệ thuật nhân hóa, so sánh tạo những liên tưởng độc đáo, bất ngờ, thú vị kết hợp với tả, kể với các điệp từ, điệp ngữ... */ Nhận xét về sự tài hoa trong cách sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Tuân. - Nguyễn Tuân có cách sử dụng ngôn ngữ tài hoa: Sử dụng từ ngữ độc đáo, tinh tế, gợi cảm, kết hợp vốn từ của nhiều ngành nghề; sử dụng câu văn linh hoạt, co duỗi nhịp nhàng, giàu giá trị tạo hình; sử dụng sáng tạo nhiều biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp... - Cách sử dụng ngôn ngữ tài hoa cho thấy sự công phu trong lao động nghệ thuật, phong cách tài hoa, uyên bác của Nguyễn Tuân; góp phần làm cho ngôn ngữ tiếng Việt giàu có, tinh tế hơn.	0,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp.</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo.</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	TỔNG ĐIỂM	10.0

-----HẾT-----